TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Tiến Hùng và bà Hà Thị Vân Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, thôn 2, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Số 20-7 H, O, Fukuoka-ken, Nhật Bản; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Xuân N, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại Đội 28, Phân trại số 1, Trại giam T, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Q, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị L để giao nhận tài liệu, chứng cứ và thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Xóm Đ, thôn 2, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Xuân N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 06 tháng 9 năm 2011 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống và một phần do anh Đỗ Xuân N đi chấp hành án, còn chị Nguyễn Thị L đi xuất khẩu lao động. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay cả hai anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn và xác định hiện tại chị không có thai nghén gì; anh Đỗ Xuân N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị đều xác định có 02 con chung (1) Đỗ Nguyễn Mai L, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2012; (2) Đỗ Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2015; hiện cả cháu đang ở với bà Trần Thị Q (Bà nội). Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Xuân N đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và tạm thời nhờ bà Trần Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng; khi nào anh N chấp hành xong hình phạt tù và chị L về Việt Nam sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Anh Đỗ Xuân N có quan điểm về cấp dưỡng nuôi con là tùy vợ chồng, còn chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bà Q) xác định: Hiện tại bà Q đang nuôi cháu Đỗ Nguyễn Mai L và cháu Đỗ Nguyễn Cẩm T; hàng tháng chị Nguyễn Thị L vẫn gửi tiền cho bà Q nuôi dưỡng các cháu. Nếu chị L và anh N ly hôn bà Q đề nghị Tòa án giao cả hai cháu L và T cho bà Q nuôi dưỡng; khi nào chị Nguyễn Thị L về Việt Nam sinh sống, bà Q giao lại các cháu cho chị L nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T xác định đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án giao nhận và đã chuyển toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nguyễn Thị L; ông T cam đoan chị L đã nhận được.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Xuân N.

Về con chung: Giao 02 cháu Đỗ Nguyễn Mai L, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2012 và cháu Đỗ Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Đỗ Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận việc ủy quyền của chị L, giao bà Trần Thị Q (Mẹ đẻ anh N) thay chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu L và T trong thời gian chị L đang lao động tại Nhật Bản.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quan điểm đề Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Xuân N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tế Lợi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 06 tháng 9 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính tính vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn; ngoài ra một phần cũng do anh N vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm tới nhau; nay chị L xin ly hôn, anh N đồng ý. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Xuân N là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung (1) Đỗ Nguyễn Mai L, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2012; (2) Đỗ Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2015; hiện cả hai cháu đang ở với bà Trần Thị Q (Bà nội). Xét yêu cầu nuôi con của cả hai anh chị; Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên; bản thân anh Đỗ Xuân N đang chấp hành án và không có việc làm nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cả hai cháu (1) Đỗ Nguyễn Mai L (2) Đỗ Nguyễn Cẩm T cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị Nguyễn Thị L đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản nên khi ly hôn chị ủy quyền cho bà Trần Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và cháu T trong thời gian chị Nguyễn Thị L lao động tại Nhật Bản. Do bà Trần Thị Q nhất trí tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu nên Hội đồng xét xử giao cả hai cháu Đỗ Nguyễn Mai L và Đỗ Nguyễn Cẩm T cho bà Trần Thị Q nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị Nguyễn Thị L lao động tại Nhật Bản; khi nào chị L về Việt Nam, bà Q có trách nhiệm giao lại hai cháu cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác cả hai anh chị đều không có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Xuân N.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Nguyễn Mai L, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2012 và cháu Đỗ Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu T đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị L.

Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và bà Trần Thị Q, giao hai cháu Đỗ Nguyễn Mai L và Đỗ Nguyễn Cẩm T cho bà Trần Thị Q trông non, chăm sóc, giáo dục trong thời gian chị Nguyễn Thị L lao động tại Nhật Bản. Khi nào chị Nguyễn Thị L về Việt Nam sinh sống, bà Trần Thị Q có nghĩa vụ giao lại cả hai cháu (L và T) cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001498 ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Trả lại chị Nguyễn Thị L 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đỗ Xuân N và bà Trần Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; chị

Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy